

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con” giữa chị Trần Thị T
với anh Trần Đức A.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Ninh.
2. Bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 31, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức A, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Bích Trung Nam, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, phiên hòa giải ngày 12/6/2020, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Đức A yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 7 năm 2005 tại UBND xã Hòa Xuân, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ chị Thủy tại xã Hòa Xuân, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được khoảng 5 năm. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác, vợ chồng chăm lo xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Đến khi chị T sinh cháu thứ ba vào năm 2007 thì anh A bỏ ra nhà bố mẹ đẻ ở thôn Bích La Nam, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong (nay là thôn Bích Trung Nam, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị) để sinh sống. Khi con trai được 3 tháng 10 ngày thì chị T cùng các con chuyển ra nhà bố mẹ chồng rồi cùng thuê trọ sinh sống với anh A tại phường 3, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian này, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hợp nhau, nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Mặt khác, anh A thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây gỗ, thậm chí đánh đập chị T. Mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại ngày càng trầm trọng. Chị T không thể chịu đựng nổi nên từ năm 2012 chị T cùng các con đã bỏ vào sinh sống tại thành phố Đà Nẵng, còn anh A vẫn sinh sống và làm việc tại thôn Bích Trung Nam, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và kể từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Từ tháng 11/2019, anh A vào Đà Nẵng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không được nên anh A đã về lại thôn Bích Trung Nam, xã Triệu Thành sinh sống cho đến nay. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trần Đức A.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Trần Đức N, sinh ngày 27/01/2004; Trần Đức P, sinh ngày 11/7/2005 và Trần Đức H, sinh ngày 24/09/2007. Hiện tại cháu N, H và P đang sinh sống với chị T tại thành phố Đà Nẵng. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 cháu Trần Đức P, Trần Đức N và Trần Đức H và không yêu cầu anh Trần Đức A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2020, phiên hòa giải ngày 12/6/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đức A trình bày:

Anh Trần Đức A và chị Trần Thị T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 7 năm 2005 tại UBND xã Hòa Xuân, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau và mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại ngày càng trầm trọng. Anh Trần Đức A thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nay chị Trần Thị Thủy làm đơn ly hôn thì anh Trần Đức A đồng ý ly hôn để mỗi người sớm có một cuộc sống mới tốt hơn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Đức N, sinh ngày 27/01/2004, Trần Đức P, sinh ngày 11/7/2005 và Trần Đức H, sinh ngày 24/09/2007. Khi ly hôn, anh Trần Đức A đề nghị: Đối với cháu Trần Đức N hiện đã lớn, gần đến 18 tuổi nên có thể giao cho chị T hoặc anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng 2 cháu Trần Đức P và Trần Đức H đề nghị giao mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T với anh Trần Đức A là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Xuân, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vào ngày 08 tháng 7 năm 2005. Theo chị Trần Thị T trình bày, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống với nhau hạnh

phúc, vợ chồng chăm lo xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên sau khi sinh cháu thứ ba vào năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau nên hiện tại vợ chồng sống ly thân. Phía anh Trần Đức Anh cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả chị Trần Thị T và anh Trần Đức A đều trình bày vợ chồng không thể chung sống được, mâu thuẫn đã trầm trọng và chị Trần Thị Thủy xin ly hôn thì anh Trần Đức A đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Đức A theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Thủy và anh Trần Đức A có 03 con chung là các cháu: Trần Đức N, sinh ngày 27/01/2004; Trần Đức P, sinh ngày 11/7/2005 và Trần Đức H, sinh ngày 24/09/2007. Nếu ly hôn, chị Trần Thị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu N, H và P và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Phía anh Trần Đức A đề nghị hội đồng xét xử xem xét, cụ thể: Đối với cháu Trần Đức N hiện đã lớn, gần đến 18 tuổi nên có thể giao cho chị T hoặc anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng 2 cháu Trần Đức P và Trần Đức H đề nghị giao mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu; nguyện vọng của các cháu hoặc ở với bố hoặc ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại cả chị Trần Thị T và anh Trần Đức A đều có công việc ổn định, có thu nhập, theo xác nhận của cơ quan nơi chị T làm việc thì chị T thu nhập mỗi tháng khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; còn xác nhận của cơ quan nơi anh Trần Đức A làm việc thì anh Trần Đức A có thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T yêu cầu nuôi cả 3 cháu là không phù hợp với thực tế, sẽ không có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cho cả 03 cháu; hơn nữa cháu P đã có thời gian đã sinh sống với anh A. Do đó, cần giao 02 cháu Trần Đức N, sinh ngày 27/01/2004 và Trần Đức H, sinh ngày 24/09/2007 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Đức P, sinh ngày 11/7/2005 cho anh Trần Đức A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Chị T, anh A không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh A cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Về mặt tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Trần Đức A

2. Về con chung: Xử giao 02 cháu Trần Đức N, sinh ngày 27/01/2004 và Trần Đức H, sinh ngày 24/09/2007 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Đức P, sinh ngày 11/7/2005 cho anh Trần Đức A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004584 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hòa Xuân, Hòa Vang, TP Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

